

Atha kho bhagavā pañcavaggiye bhikkhū āmantesi:

Dveme, bhikkhave ,

antā pabbajitena na sevitabbā. Katame dve?

- Yo cāyaṃ **kāmesu kāmasukhallikānuyogo** hīno gammo pothujjaniko anariyo anattasaṃhito,

- Yo cāyaṃ **attakilamathānuyogo** dukkho anariyo anattasaṃhito.

Ete kho, bhikkhave, ubho ante anupagamma, **majjhimā paṭipadā** tathāgatena abhisambuddhā, cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.

Katamā ca sā, bhikkhave, majjhimā paṭipadā tathāgatena abhisambuddhā, cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati?

Ayameva **ariyo aṭṭhaṅgiko maggo**, seyyathidaṃ:

sammādiṭṭhi,

sammāsaṅkappo,

sammāvācā,

sammākammanto,

sammājīvo,

sammāvāyāmo,

sammāsati,

sammāsamādhi.

Ayaṃ kho sā, bhikkhave, majjhimā paṭipadā tathāgatena abhisambuddhā, cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu nhóm năm vị rằng:

Này các tỳ khưu,

đây là hai **cực đoan mà bậc xuất gia không nên thực hành**. Thế nào là hai?

- Đây là **sự say đắm về dục lạc trong các dục**, kém cỏi, thô thiển, tầm thường, không cao thượng, không đem lại lợi ích,

- và đây là **sự gắn bó với việc hành hạ bản thân**, đau khổ, không cao thượng, không đem lại lợi ích.

Này các tỳ khưu, sau khi không tiếp cận cả hai cực đoan ấy, **lối thực hành trung đạo** đã được đức Như lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thẳng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết Bàn.

Này các tỳ khưu, lối thực hành trung đạo ấy đã được đức Như lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thẳng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết Bàn là thế nào?

Đó chính là **Thánh Đạo Tám Chi Phần** tức là

sự hiểu biết chân chánh,

suy nghĩ chân chánh,

nói lời chân chánh,

nghề nghiệp chân chánh,

nuôi mạng chân chánh,

tinh tấn chân chánh,

ghi nhớ chân chánh,

định tâm chân chánh.

Này các tỳ khưu, lối thực hành trung đạo ấy đã được đức Như lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thẳng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết Bàn.

Idaṃ kho pana, bhikkhave, **dukkhaṃ** ariyasaccaṃ.

Jātipi dukkhā,

jarāpi dukkhā,

byādhipi dukkho,

maraṇampi dukkhaṃ,

appiyehi sampayogo dukkho,

piyehi vippayogo dukkho,

labhati tampi dukkhaṃ.

saṃkhittena, **pañcupādānakkhandhā dukkhā**.

Idaṃ kho pana, bhikkhave, **dukkhasamudayaṃ** ariyasaccaṃ.

yāyaṃ taṇhā ponobbhavikā nandīrāgasahagatā tatratatrābhinandinī, seyyathidaṃ

– kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā.

Idaṃ kho pana, bhikkhave, **dukkhanirodhaṃ** ariyasaccaṃ.

yo tassā yeva taṇhāya asesavirāganirodho, cāgo, paṭinissaggo, mutti, anālayo.

Idaṃ kho pana, bhikkhave,

dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ

ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo, seyyathidaṃ:

sammādiṭṭhi,

sammāsaṅkappo,

sammāvācā,

sammākammanto,

sammājīvo,

sammāvāyāmo,

sammāsati,

sammāsamādhi.

Này các tỳ khưu, đây là Chân Lý Cao Thượng tức là **sự Khổ**.

Sanh là khổ,

già là khổ,

bệnh là khổ,

chết là khổ,

sự gắn bó với những gì không ưa thích là khổ,

sự chia lìa với những gì ưa thích là khổ,

không đạt được điều ước muốn là khổ,

một cách tóm tắt **năm thủ uẩn là khổ**.

Này các tỳ khưu, đây là Chân Lý Cao Thượng tức là **Nguyên Nhân của Khổ**.

Điều ấy chính là Ái đưa đến tái sanh, liên kết với khoái lạc và say đắm, có sự thỏa thích ở nơi này nơi khác tức là: Dục Ái, Hữu Ái, Phi Hữu Ái.

Này các tỳ khưu, đây là Chân Lý Cao Thượng tức là **sự Diệt Khổ**.

Điều ấy là sự dứt bỏ, sự dứt ra khỏi, sự giải thoát, sự không còn chỗ nương tựa, sự diệt tận và dứt bỏ lòng say đắm không còn dư sót của chính Ái ấy.

Này các tỳ khưu, đây là Chân Lý Cao Thượng tức là

sự Thực Hành theo Con Đường đưa đến sự Diệt Khổ.

Đó chính là Thánh Đạo Tám Chi Phần tức là

sự hiểu biết chân chánh,

suy nghĩ chân chánh,

nói lời chân chánh,

nghe nghiệp chân chánh,

nuôi mạng chân chánh,

tinh tấn chân chánh,

ghi nhớ chân chánh,

định tâm chân chánh.

Idaṃ **dukkhaṃ** ariyasaccanti me,

bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi , āloko udapādi.

Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ *pariññeyyanti* me, ... pe ...

Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ *pariññātanti* me, ... pe ...

Idaṃ **dukkhasamudayaṃ** ariyasaccanti me, ... pe ...

Taṃ kho panidaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ *pahātabbanti* me, ... pe ...

Taṃ kho panidaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ *pahīnanti* me, ... pe ...

Idaṃ **dukkhanirodhaṃ** ariyasaccanti me, ... pe ...

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ *sacchikātabbanti* me, ... pe ...

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ *sacchikatanti* me, ... pe ...

Idaṃ **dukkhanirodhagāminī** paṭipadā ariyasaccanti me, ... pe ...

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ *bhāvetabbanti* me, ... pe ...

Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ *bhāvitanti* me,

bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

Này các tỳ khưu, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe:

“Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là **sự Khổ.**”

... “Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự Khổ *cần được hiểu rõ.*”

... “Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự Khổ đã được hiểu rõ.”

... “Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là **Nguyên Nhân của Khổ.**”

... “Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là Nguyên Nhân của Khổ *cần được dứt bỏ.*”

... “Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là Nguyên Nhân của Khổ *đã được dứt bỏ.*”

... “Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự **Diệt Khổ.**”

... “Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự Diệt Khổ *cần được chứng ngộ.*”

... “Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự Diệt Khổ *đã được chứng ngộ.*”

... “Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là

sự Thực Hành theo **Con Đường đưa đến sự Diệt Khổ.**”

... “Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là

sự Thực Hành theo Con Đường đưa đến sự Diệt Khổ *cần được tu tập.*”

Này các tỳ khưu, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe:

“Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là

sự Thực Hành theo Con Đường đưa đến sự Diệt Khổ *đã được tu tập.*”

Yāvakīvañca me, bhikkhave, imesu catūsu ariyasaccesu evaṃ tiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ **na suvisuddhaṃ** ahosi, neva tāvāhaṃ, bhikkhave, sadevake loke samārake sabrahmahe sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddhoti paccaññāsiṃ.

Yato ca kho me, bhikkhave, imesu catūsu ariyasaccesu evaṃ tiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ **suvisuddhaṃ** ahosi, athāhaṃ, bhikkhave, sadevake loke samārake sabrahmahe sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya sadevamanussāya anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddhoti paccaññāsiṃ.

“Ñāṇaṅca pana me dassanaṃ udapādi akuppā me vimutti, ayamantimā jāti, natthi dāni punabbhavo”ti.

Idamavoca bhagavā attamanā pañcavaggiyā bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinandunti.

Imasmiñca pana veyyākaraṇasmiṃ bhaññamāne āyasmato koṇḍaññaassa virajaṃ vītamaṃ dhammacakkhuṃ udapādi

“yaṃ kiñci samudayadhammaṃ sabbam taṃ nirodhadhamma”nti.

Pavattite ca pana bhagavatā dhammacakke, **bhummā devā** saddamanussāvesuṃ

“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ, appaṭivattiyaṃ samaṇena vā brāhmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmi”nti.

Này các tỳ khưu, và cho đến khi nào tri kiến thấy đúng thực chất của ta về ba Luân (ba vòng xoay tròn) và mười hai Thế (tính chất) trong Bốn Chân Lý Cao Thượng này **chưa được thực sự thanh tịnh**; này các tỳ khưu, cho đến khi ấy ta chưa công bố về sự tối thượng Chánh Đẳng Giác: “Ta đã hoàn toàn giác ngộ” ở trong thế gian tính luôn cõi của chư thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi sa-môn, bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người.

Và này các tỳ khưu, bởi vì tri kiến thấy đúng thực chất của ta về ba Luân và mười hai Thế trong Bốn Chân Lý Cao Thượng này **đã được thực sự thanh tịnh**; này các tỳ khưu, khi ấy ta đã công bố về sự tối thượng Chánh Đẳng Giác: “Ta đã hoàn toàn giác ngộ” ở trong thế gian tính luôn cõi của chư thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi sa-môn, bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người.

Hơn nữa, trí tuệ và sự thấy biết của ta đã sanh khởi:

“Sự giải thoát của ta không thể thay đổi, đây là lần sanh cuối cùng, từ nay không có việc tái sanh nữa.”

- Trong khi bài kinh này được thuyết giảng, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến đại đức Koṇḍañña:

“Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Khi bánh xe Pháp được chuyển vận bởi đức Thế Tôn, **chư thiên ở địa cầu** đã đồn đãi lời rằng:

“Bánh xe Pháp tối thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận ở Bārāṇasī, tại Isipatana, nơi vườn nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi sa-môn, bà-la-môn, Thiên nhân, Ma Vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời.”

Bhummānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā **cātumahārājikā devā** saddamanussāvesuṃ

...pe...

cātumahārājikānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā **tāvatiṃsā devā**

...pe...

yāmā devā...pe...

tusitā devā...pe...

nimmānaratī devā...pe...

paranimmitavasavattī devā...pe...

brahmakāyikā devā saddamanussāvesuṃ

“etaṃ bhagavatā bārāṇasiyaṃ isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇena vā brāhmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmi”nti.

Itiha, tena khaṇena, tena layena tena muhuttena yāva brahmalokā saddo abbhuggacchi.

Ayañca dasasahasilokadhātu saṃkampi sampakampi sampavedhi ; appamāṇo ca uḷāro obhāso loke pāturahosi, atikkamma devānaṃ devānubhāvaṃ.

Atha kho bhagavā imaṃ udānaṃ udānesi:

– **“aññāsi vata, bho koṇḍañño, aññāsi vata bho koṇḍañño”ti.**

Iti hidaṃ āyasmato koṇḍaññassa ‘aññāsikoṇḍañño’ tveva nāmaṃ ahosi.

Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở địa cầu, chư thiên ở cõi **Tứ Đại Thiên Vương** đã đồn đãi lời rằng: ...(như trên)...

Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên ở cõi **Đao Lợi** đã đồn đãi lời rằng: ...(như trên)...

chư thiên ở cõi **Dạ Ma** ...(như trên)...

chư thiên ở cõi **Đấu Suất** ...(như trên)...

chư thiên ở cõi **Hóa Lạc Thiên** ...(như trên)...

chư thiên ở cõi **Tha Hóa Tự Tại** ...(như trên)...

chư thiên thuộc hàng **Phạm thiên** đã đồn đãi lời rằng:

“Bánh xe Pháp tối thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận ở Bārāṇasī, tại Isipatana, nơi vườn nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi sa-môn, bà-la-môn, thiên nhân, Ma Vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời.”

Vào thời khắc ấy, vào giây phút ấy, lời đồn đãi ấy đã đi đến các cõi trời Phạm thiên.

Và mười ngàn thế giới này đã bị lay chuyển, rung động, chấn động. Và ánh sáng tuyệt vời không thể đo lường đã hiện ra ở thế gian, vượt quá hào quang siêu phàm của chư thiên.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng rằng:

“Koṇḍañña đã hiểu được! Koṇḍañña đã hiểu được!”

Do đó, đại đức Koṇḍañña đã có tên là “Aññakoṇḍañña.”